

Bản án số: 255/2024/HS-PT

Ngày: 09/8/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đoàn Thị Hương Giang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2024/TLPT-HS ngày 28/5/2024 đối với bị cáo Lê Viết P do có kháng cáo của bị cáo Lê Viết P và bị hại LO đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HSST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Viết P, sinh năm: 1977 tại: tỉnh T; Nơi đăng ký thường trú: 134 khu phố 1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Viết Q và bà Lương Thị T; Vợ Nguyễn Thị Ngọc T1, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

+ Bị hại có kháng cáo:

LO.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ V.

Địa chỉ: Tầng 14, số 6 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ V: Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thanh H1, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: 71 đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Viết P buôn bán mũ đội đầu từ năm 2014, nhưng do thị trường kinh doanh khó khăn, không cạnh tranh lại các cơ quan khác nên đến năm 2019, P tự mở xưởng sản xuất mũ đội đầu (mũ thông thường, không nhãn hiệu) để đem đi bỏ mối cho các cửa hàng. Đến khoảng tháng 06/2020, P đăng ký hộ kinh doanh và mở cửa hàng bán các sản phẩm do P sản xuất ra. Cụ thể: Xưởng sản xuất tại nhà số 134 tổ 2 khu phố 1, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà số 134 tổ 2 khu phố 1 phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cửa hàng buôn bán mũ đội đầu do P sản xuất ở địa chỉ 179 Quốc lộ 1, khu phố 2, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào đầu năm 2021, do thấy các mặt hàng mũ đội đầu nhãn hiệu GU, DI, LO bán chạy nên P đã sản xuất mũ đội đầu nhãn hiệu GU, DI, LO cùng các loại mũ thông thường không nhãn hiệu khác rồi mang ra cửa hàng bán kiếm lời.

Để thực hiện hành vi phạm tội, Lê Viết P đến khu vực chợ T (Quận B) để mua nguyên liệu là vải cây với giá 25.000 đồng/kg ở nhiều cửa hàng khác nhau, mua tem nhãn giấy, dây vải, logo từ những người bán dạo trên lề đường, không rõ lai lịch với giá như sau: Dây buộc tem nhãn giấy vào sản phẩm với giá 100.000 đồng/1000 cái; dây buộc giá 35.000 đồng/1000 cái; dây vải hiệu GU, LO với giá 30.000 đồng/cuộn; logo bằng da giả có biểu tượng GU, DI, LO với giá 25.000 đồng/kg rồi mang về xưởng sản xuất cắt giấu để sản xuất mũ đội đầu nhãn hiệu GU, DI, LO. Đồng thời, P còn mua 02 cái máy may với giá 2.000.000 đồng/máy và 01 để bắn tem giấy với giá 35.000 đồng để phục vụ việc sản xuất mũ đội đầu, vì thời gian đã lâu nên P không nhớ mua của ai, ở đâu.

Quy trình sản xuất mũ đội đầu xâm phạm nhãn hiệu GU, LO, DI như sau:

Đối với vải cây sau khi mua về, P tự cắt vải tại xưởng may nón. Tuy nhiên, khoảng 04 tháng trước khi bị Công an Quận A phát hiện vụ việc, do tay bị yếu nên P không còn tự cắt vải nữa mà thuê ông Hoàng Quốc T2 cắt vải thành các mảnh theo khuôn rập do P cung cấp, với tần suất 1 -2 tháng/lần. Mỗi lần, ông Trung cắt vải gia công cho ông P từ 2.000 – 3.000 cái nón, tiền công từ 1.500.000 – 2.000.000 đồng. Khi thuê, P chỉ nói với ông T2 là cắt vải để P may nón chứ không nói cụ thể là may nón nhãn hiệu GU, LO, DI. Vì vậy, ông Trung không biết việc P sản xuất, buôn bán nón giả mạo nhãn hiệu GU, LO, DI.

Vải sau khi được cắt thành các miếng vải với hình dạng khác nhau (để may phần chõm nón, phần viền nón và phần đệm bên trong chõm nón) sẽ được thuê nhãn hiệu GU, DI, LO lên miếng vải đã được cắt sẵn dùng để may thành phần chõm nón. Tiếp theo, máy ráp các miếng vải đã được thuê thành chõm nón, viền nón và đệm bên trong chõm nón. Sau cùng may ráp viền nón vào chõm nón, may ráp đệm bên trong chõm nón vào chõm nón và gắn tem nhãn giấy hiệu GU, DI, LO vào là thu được sản phẩm thành phẩm. Đôi khi, để tăng tính mỹ quan và thu hút khách hàng thì còn may thêm dây vải hiệu GU, DI, LO hoặc dán thêm logo bằng da có biểu tượng GU, DI, LO lên sản phẩm.

P thuê Nguyễn Văn T3 và Lê Viết H phụ giúp việc sản xuất mũ đội đầu. Công việc của T3 và H là thêu, may lo go GU, DI, LO và ráp các mảnh thành sản phẩm thành phẩm. Ngoài ra, H còn phụ trách việc sắp xếp sản phẩm thành phẩm vào bao và vận chuyển ra cửa hàng. Mỗi tháng, P trả cho T3 và H mỗi người 8.000.000 đồng. T3 và H chỉ làm theo chỉ đạo của P, không biết việc sản xuất các sản phẩm mũ đội đầu nhãn hiệu GU, DI, LO theo yêu cầu của P là vi phạm pháp luật (bút lục 97-100; 276-278).

Trung bình một ngày, xưởng của P sản xuất được khoảng 200 cái mũ đội đầu nhãn hiệu GU, LO, DI thành phẩm. Sản phẩm thành phẩm được P mang ra cửa hàng tại địa chỉ 179 Quốc lộ 1, khu phố 2, phường T, Quận A bán cho khách vãng lai (không rõ lai lịch) với giá từ 15.000 – 18.000 đồng/cái, thu lợi từ 2.000 – 5.000 đồng/cái. Toàn bộ việc mua bán P đều giao dịch bằng tiền mặt và không ghi lại sổ sách gì. Theo P ước tính, sau khi trừ hết mọi chi phí thì một tháng P kiếm được khoảng 7.000.000 đồng từ việc sản xuất, buôn bán mũ đội đầu nhãn hiệu GU, DI, LO. Từ đầu năm 2021 đến khi Công an Quận A kiểm tra, phát hiện thì P đã thu lợi bất chính khoảng 100.000.000 đồng từ việc sản xuất, buôn bán nón vải nhãn hiệu GU, DI, LO. Số tiền thu lợi bất chính nêu trên được P sử dụng để duy trì hoạt động sản xuất của xưởng may nón và tiêu xài cá nhân.

Đối với số nón tồn có gắn nhãn hiệu GU, DI, LO không bán được, P sẽ tháo hết tem nhãn ra rồi bán sỉ cho bà Nguyễn Thị L với giá từ 4.000 đồng đến 12.000 đồng/cái, giá bán tùy theo hàng tồn là cũ hay mới, đã qua xu hướng thời trang lâu hay gần. Do thời gian đã lâu nên P không nhớ đã bán nón vải các loại cho bà L bao nhiêu lần, chỉ nhớ lần gần nhất P bán cho bà L là khoảng 2.000 cái nón có vành, nón lưỡi trai không nhãn hiệu các loại với tổng số tiền khoảng dưới 20.000.000 đồng. Trong số 17.700 cái mũ đội đầu các loại không hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc xuất xứ mà lực lượng Công an kiểm tra thu giữ của bà Lan thì P không nhận diện được sản phẩm nào là của P sản xuất (bút lục 376-377).

Đến ngày 30/8/2022, xưởng sản xuất của Lê Viết P tại địa chỉ số 134 tổ 2, khu phố 1, phường T, Quận A bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ 17.853 cái nón vải nhãn hiệu GU, LO, DI không hóa đơn chứng từ, nguồn gốc cùng phương tiện, công cụ, nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất nên tiến hành lập biên bản thu giữ và mời P về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Lê Viết P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Trước đó, vào ngày 23/8/2023, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra xe ô tô tải biển số 51C-13516 của bà Nguyễn Thị L và tại nơi ở của bà L, phát hiện thu giữ 17.700 cái nón đội đầu các loại không có hóa đơn chứng từ gồm nón không nhãn hiệu và nón có gắn nhãn hiệu DI; GU; LO; C; TNF; A.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà có mua của Lê Viết P nón vải tồn kho các loại với giá từ 4.000 đồng đến 12.000 đồng/cái. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ đã mua của P số lượng bao nhiêu. Lần gần nhất trước khi vụ việc bị

phát hiện thì bà có mua của P khoảng 2.000 nón vải với tổng giá trị khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và không nhớ nón có gắn nhãn hiệu hay không. Trong số 17.700 cái nón đội đầu các loại không có hóa đơn chứng từ bị lực lượng Công an thu giữ vào ngày 23/8/2022 thì bà không xác định được có 2.000 cái nón đã mua từ P hay không, vì số hàng này bà mua từ nhiều nguồn khác nhau của những người không rõ lai lịch, và không ghi chép sổ sách.

Kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐ ĐGTS ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự;

Không đủ cơ sở định giá đối với: 500 chiếc nón bằng vải màu đen; 102 chiếc vành nón bằng vải dùng để may nón; 2.900 chiếc lót nón bằng vải; 300 miếng logo bằng da có biểu tượng GU; 500 tem giấy nhãn hiệu DI; 1.500 tem giấy nhãn hiệu DI; 500 tem giấy nhãn hiệu GU; 500 miếng vải tròn đường kính khoảng 18 cm dùng để may nón mang nhãn hiệu DI; 300 miếng vải tròn đường kính khoảng 18 cm dùng để may nón mang nhãn hiệu DI; 300 miếng vải (gọi là vành) dùng để may nón mang nhãn hiệu DI; 300 miếng vải dùng để may chỏm nón mang nhãn hiệu GU; 500 chiếc dây vải dùng để cột tem giấy các nhãn hiệu DI, LO, Đ; 100 miếng lót thêu nhãn hiệu DI; 02 máy may không nhãn hiệu đã qua sử dụng;

Đối với 07 cuộn dây vải hiệu DI; 02 cuộn dây vải hiệu DI; 02 cuộn dây vải; 01 dụng cụ bắn tem giấy; 04 cuộn dây vải nhãn hiệu GU; 04 cuộn chỉ may màu trắng có tổng giá trị là 5.406.533 đồng;

Đối với 8.803 nón có vành; 9.050 nón lưỡi trai thành phẩm có tổng giá trị 687.807.518 đồng.

Kết luận giám định sở hữu công nghiệp số NH627-22TC.TP/KLGĐ ngày 03/11/2022 của Viện khoa học sở hữu trí tuệ:

1. Dấu hiệu “GU” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 1 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 1127685 cho sản phẩm mũ thuộc nhóm 25.

2. Dấu hiệu “LO” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 3 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 1127685 cho sản phẩm mũ thuộc nhóm 25.

3. Dấu hiệu “DI” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 3 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 134476.

4. Dấu hiệu “GU” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 4 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 106622 cho sản phẩm mũ thuộc nhóm 25.

5. Dấu hiệu “LO” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 5 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 1127685 cho sản phẩm mũ thuộc nhóm 25.

6. Dấu hiệu “DI” gắn (trình bày) trên sản phẩm mũ – như tại mẫu vật 6 – là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH/ĐKQT 313176 cho sản phẩm mũ đội đầu thuộc nhóm 25.

Vật chứng:

* Nón thành phẩm:

- 6.051 chiếc nón có vành bằng vải nhãn hiệu GU;
- 2.341 chiếc nón có vành bằng vải nhãn hiệu LO;
- 411 chiếc nón có vành bằng vải nhãn hiệu DI;
- 5.600 chiếc nón lưỡi trai bằng vải nhãn hiệu GU;
- 1.850 chiếc nón lưỡi trai bằng vải nhãn hiệu LO
- 1.600 chiếc nón lưỡi trai bằng vải nhãn hiệu DI.

* Nguyên liệu phụ:

- 07 cuộn dây vải hiệu DI;
- 02 cuộn dây vải nhãn hiệu GU;
- 500 chiếc vành nón bằng vải màu đen;
- 102 chiếc vành nón bằng vải dùng để may nón;
- 2.900 chiếc lót nón bằng vải;
- 300 miếng logo bằng da có biểu tượng GU;
- 04 cuộn chỉ may màu trắng;
- 500 tem giấy nhãn hiệu DI;
- 1.500 tem giấy nhãn hiệu DI;
- 500 tem giấy nhãn hiệu GU;
- 500 miếng vải tròn đường kính khoảng 18 cm dùng để may nón mang nhãn hiệu DI;
- 300 miếng vải (gọi là vành) dùng để may nón nhãn hiệu DI;
- 02 cuộn dây vải nhãn hiệu GU;
- 500 chiếc dây vải dùng để cột tem giấy các nhãn hiệu DI, LO, GU;
- 100 miếng lót thêu nhãn hiệu DI.

* Công cụ, phương tiện:

- 02 máy may không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ đã qua sử dụng;

- 01 dụng cụ bắn tem giấy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HSST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Viết P phạm tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”.

* Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 226, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Viết P 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2024 bị cáo Lê Viết P có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 25/4/2024 bị hại LO có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với Lê Viết P.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Bị cáo Lê Viết P đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, do không học hành đến nơi đến chốn nên bị cáo không biết hành vi của mình là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải về hành vi của mình, hiện đang là trụ cột chính trong gia đình nên xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện bị hại LO có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:*

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Lê Viết P phạm tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” theo điểm đ khoản 2 Điều 226 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nuôi cha mẹ không còn khả năng lao động có xác nhận của chính quyền địa phương nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P.

Xét thấy mức hình phạt 1 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có xem xét 2 tình tiết giảm nhẹ trong khung hình phạt mà điều luật quy định và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có cơ sở để tăng nặng hình phạt cho bị cáo cũng không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo đủ điều kiện để hưởng án

treo theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Lê Viết P không tranh luận.

Bị hại LO không tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để về chăm sóc gia đình, cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận A, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng đầu năm 2021, tại xưởng sản xuất địa chỉ 134 tổ 2 khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và số 134 tổ 2 khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Viết P đã thực hiện hành vi sản xuất mũ đội đầu nhãn hiệu GU, LO, DI mà không được sự cho phép của chủ nhãn hiệu GUO GU SPA; LO; DI để bán nhằm thu lợi bất chính. Trung bình mỗi tháng, P thu lợi khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính khoảng 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tổng giá trị số hàng hóa vi phạm bị thu giữ là 687.807.518 đồng (sáu trăm tám mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy ngàn năm trăm mười tám) đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Viết P đã phạm vào tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” tội danh và hình phạt được quy định tại theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Quận A đã xét xử bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng theo quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại:

- Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo là lao động chính duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động là cha mẹ của bị cáo, vợ bị cáo hiện ở nhà làm nội trợ có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp đối với bị cáo nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Xét bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, đang có công việc làm, việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo để bị cáo có cơ hội làm việc nuôi dưỡng cha mẹ già. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại LO: xét thấy hình phạt 1 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là trong khung hình phạt mà điều luật quy định và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo Lê Viết P đã thực hiện. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại LO.

Do kháng cáo của bị cáo Lê Viết P được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo của bị hại LO nên bị hại LO phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật

Tổ tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Viết P; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại LO; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HSST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 226; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Lê Viết P** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Bị cáo Lê Viết P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại LO phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND Quận A ; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận A ; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận A ; (1)
- Bị cáo; (1)
- Công an Quận A ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (21) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

